

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành giá và quy định mức thu của dịch vụ vận chuyển người bệnh cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Quy chế Bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 09 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng kinh tế số 643/BB-BVĐKT ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc thống nhất định mức kinh tế kỹ thuật làm căn cứ xây dựng giá của dịch vụ vận chuyển người bệnh cấp cứu, giường điều trị theo yêu cầu và dịch vụ xét nghiệm test HP hơi thở của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-BVĐKT ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật làm căn cứ xây dựng giá dịch vụ vận chuyển người bệnh cấp cứu;

Căn cứ Công văn số 783 /BVĐKT-TCKT ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình về việc Thông báo mức giá điều chỉnh tăng giá dịch vụ vận chuyển người bệnh cấp cứu trong nước trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai liên kê trước đó;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành giá và quy định mức thu của dịch vụ vận chuyển người bệnh cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá (không bác sỹ)	Mức giá (có bác sỹ)	Ghi chú
1	Tuyển đi Hà Nội	Chuyến	1.860.000	2.280.000	
2	Mai Châu	Chuyến	1.860.000	2.280.000	
3	Yên Thủy	Chuyến	1.984.000	2.432.000	

4	Lạc Thủy	Chuyến	1.860.000	2.280.000
5	Lạc Sơn	Chuyến	1.488.000	1.824.000
6	Tân Lạc	Chuyến	843.000	1.034.000
7	Kim Bôi	Chuyến	892.000	1.094.000
8	Lương Sơn	Chuyến	744.000	912.000
9	Cao Phong	Chuyến	446.000	547.000
10	Đà Bắc	Chuyến	397.000	486.000
11	Kỳ Sơn	Chuyến	397.000	486.000

Ghi chú: a/ Giá dịch vụ trên tính từ Bệnh viện ĐK tỉnh Hòa Bình đến Trung tâm các huyện thị. Trường hợp người bệnh có nhu cầu đi tiếp về các xã sẽ tính thêm tiền bằng số km nhân với đơn giá thu bình quân là 24.800 đồng/km (kíp không bác sỹ) và 30.400 đồng/km (kíp có bác sỹ).

b/ Chính sách và mức khuyến mại, giảm giá: Đối với trường hợp trên cùng một người bệnh sử dụng xe vận chuyển 2 chiều tại cùng thời điểm và cùng nơi đến - nơi đi, thì lượt vận chuyển thứ 2 sẽ được tính bằng 50% nhân với giá thu của lượt vận chuyển thứ nhất.

Điều 2. Mức thanh toán trên được áp dụng cho tất cả các người bệnh khi có yêu cầu.

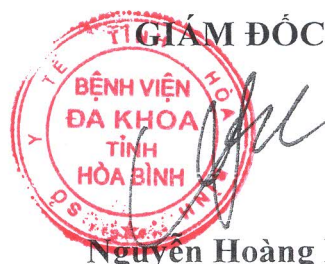
Lãnh đạo các Khoa có trách nhiệm giải thích cho người bệnh trước khi bệnh nhân sử dụng dịch vụ và hướng dẫn người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp của người bệnh ký cam kết vào phiếu sử dụng dịch vụ tự nguyện.

Thời gian thực hiện thu phí dịch vụ từ 8h00' ngày 12 tháng 5 năm 2022.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Công nghệ thông tin, Trưởng phòng Hành chính quản trị và Trưởng các khoa, phòng trong Bệnh viện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban giám đốc (BC);
- Lưu VT.



Nguyễn Hoàng Diệu

PHỤ LỤC SỐ 01**BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ
DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN NGƯỜI BỆNH ĐI HÀ NỘI
(Bao gồm: 01 Điều dưỡng và 01 Lái xe)***(Giá trên chưa bao gồm chi phí thuốc và vật tư tiêu hao)**(Kèm theo Công văn số 393 /BVĐKT-TCKT ngày 12 tháng 05 năm 2022
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)*

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
I	TIỀN CÔNG				450,000	
1	Chi phí tiền công cho lái xe (4h/chuyến)	người	1	200,000	200,000	
2	Chi phí tiền công cho điều dưỡng (4h/chuyến)	người	1	250,000	250,000	
II	CHI PHÍ KHẤU HAO XE+TBYT				130,301	
1	Chi phí khấu hao 1 chuyến trong 10 năm (BQ 2 chuyến/xe/ngày); xe 660tr	Chuyến	1	90,411	90,411	
2	Chi phí khấu hao thiết bị y tế: 8 năm				39,890	
2.1	Máy thở xách tay	Chuyến	1	32,962	32,962	
2.2	Máy hút dịch	Chuyến	1	1,507	1,507	
2.3	Bơm tiêm điện	Chuyến	1	4,623	4,623	
2.4	Bọc trần + vật tư trên xe	Chuyến	1	797	797	
III	CHI PHÍ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, BẢO HIỂM, ...				66,539	
1	Chi phí bảo hiểm xe cơ giới (1năm)	Chuyến	1	13,927	13,927	
2	Chi phí phần mềm + camera giám sát hành trình (3 năm)	Chuyến	1	9,849	9,849	
3	Chi phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa (30triệu/xe/năm)	Chuyến	1	41,096	41,096	
4	Chi phí tiền điện thoại (100.000d/1xe)	xe	1	1,667	1,667	
IV	CHI PHÍ NHIÊN LIỆU				687,825	
	(Định mức tiêu hao nhiên liệu là 15 lít cho 100km, đi các BV tuyến TW dự kiến là 150km/chuyến)					
1	Chi phí nhiên liệu (giá xăng theo thời điểm hiện tại và sẽ thay đổi theo thực tế phát sinh)	Lít	22.5	30,570	687,825	



V	CHI PHÍ QUẢN LÝ	Chuyên	9.5%	175,770
VI	CHI PHÍ TÍCH LŨY	Chuyên	8.0%	148,800
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO	Chuyên	3.0%	55,800
VIII	CHI PHÍ 2% THUẾ TNDN/DT	Chuyên	2.0%	37,200
IX	LỢI NHUẬN ĐỊNH MỨC	Chuyên	5.80%	107,880
X	TỔNG CỘNG	Chuyên		1,860,115
XI	GIÁ KÊ KHAI	Chuyên		1,860,000

ly



PHỤ LỤC SỐ 02

**BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ
DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN NGƯỜI BỆNH ĐI HÀ NỘI
(Bao gồm: 01 Bác sỹ, 01 Điều dưỡng và 01 Lái xe)**

(Giá trên chưa bao gồm chi phí thuốc và vật tư tiêu hao)

*(Kèm theo Công văn số 393 /BVĐKT-TCKT ngày 12 tháng 05 năm 2022
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)*

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
I	TIỀN CÔNG				750,000	
1	Chi phí tiền công cho lái xe (4h/chuyến)	người	1	200,000	200,000	
2	Chi phí tiền công cho bác sỹ (4h/chuyến)	người	1	300,000	300,000	
3	Chi phí tiền công cho điều dưỡng (4h/chuyến)	người	1	250,000	250,000	
II	CHI PHÍ KHẤU HAO XE+TBYT				130,301	
1	Chi phí khấu hao 1 chuyến trong 10 năm (BQ 2 chuyến/xe/ngày); xe 660tr	Chuyến	1	90,411	90,411	
2	Chi phí khấu hao thiết bị y tế: 8 năm				39,890	
2.1	Máy thở xách tay	Chuyến	1	32,962	32,962	
2.2	Máy hút dịch	Chuyến	1	1,507	1,507	
2.3	Bơm tiêm điện	Chuyến	1	4,623	4,623	
2.4	Bọc trần + vật tư trên xe	Chuyến	1	797	797	
III	CHI PHÍ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA, BẢO HIỂM, ...				66,539	
1	Chi phí bảo hiểm xe cơ giới (1năm)	Chuyến	1	13,927	13,927	
2	Chi phí phần mềm + camera giám sát hành trình (3 năm)	Chuyến	1	9,849	9,849	
3	Chi phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa (30triệu/xe/năm)	Chuyến	1	41,096	41,096	
4	Chi phí tiền điện thoại (100.000d/1xe)	xe	1	1,667	1,667	
IV	CHI PHÍ NHIÊN LIỆU				687,825	
	(Định mức tiêu hao nhiên liệu là 15 lít cho 100km, đi các BV tuyến TW dự kiến là 150km/chuyến)					



I	Chi phí nhiên liệu (giá xăng theo thời điểm hiện tại và sẽ thay đổi theo thực tế phát sinh)	Lít	22.5	30,570	687,825
V	CHI PHÍ QUẢN LÝ	Chuyển		9.5%	216,600
VI	CHI PHÍ TÍCH LŨY	Chuyển		8.0%	182,400
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO	Chuyển		3.0%	68,400
VIII	CHI PHÍ 2% THUẾ TNDN/DT	Chuyển		2.0%	45,600
IX	LỢI NHUẬN ĐỊNH MỨC	Chuyển		5.80%	132,240
X	TỔNG CỘNG	Chuyển			2,279,905
XI	GIÁ KÊ KHAI	Chuyển			2,280,000

ng



PHỤ LỤC SỐ 03

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN BỆNH VIỆN ĐI TRONG ĐỊA BÀN TỈNH

(Giá trên chưa bao gồm chi phí thuốc và vật tư tiêu hao)
 (Kèm theo Công văn số 333 /BVĐKT-TCKT ngày 12 tháng 05 năm 2022
 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình)

Đvt: đồng

STT	Tuyến vận chuyển từ Bệnh viện tỉnh Hòa Bình đi	ĐVT	Mức KM chung	Giá dịch vụ (gồm 1ĐD + 1LX)	Giá dịch vụ (gồm 1BS + 1ĐD + 1LX)
1	Hà Nội	chuyến	75	1,860,000	2,280,000
2	Mai Châu	chuyến	75	1,860,000	2,280,000
3	Yên Thủy	chuyến	80	1,984,000	2,432,000
4	Lạc Thủy	chuyến	75	1,860,000	2,280,000
5	Lạc Sơn	chuyến	60	1,488,000	1,824,000
6	Tân Lạc	chuyến	34	843,000	1,034,000
7	Kim Bôi	chuyến	36	892,000	1,094,000
8	Lương Sơn	chuyến	30	744,000	912,000
9	Cao Phong	chuyến	18	446,000	547,000
10	Đà Bắc	chuyến	16	397,000	486,000
11	Kỳ Sơn	chuyến	16	397,000	486,000

Ghi chú: Giá dịch vụ trên tính từ Bệnh viện ĐK tỉnh Hòa Bình đến Trung tâm các huyện, thị. Trường hợp người bệnh có nhu cầu đi tiếp về các xóm, xã sẽ tính thêm tiền bằng số km nhân với đơn giá thu bình quân là 24.800 đồng/km (đối với kíp vận chuyển không bác sỹ) và 30.400 đồng/km (đối với kíp vận chuyển có bác sỹ).